BỘ XÂY DỰNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI

PHÒNG THANH TRA - KHẢO THÍ
& ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM QUÁ TRÌNH

MÔN HỌC: LỊCH SỬ NGHỆ THUẬT - LỚP HỌC PHẦN NM0207.1 16DH.1_LT.0_LT

Học kỳ:2 Năm học: 2016-2017

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Điểm quá trình		Điều kiện dự thi	Ghi chú
					Bằng số	Bằng chữ		
1	1658010001	Dư Phương Anh	4/24/1998	2016DH	8			
2	1658010002	Lã Quỳnh Anh	11/30/1998	2016DH	10			
3	1658010003	Nguyễn Ngọc Anh	9/20/1998	2016DH	9			
4	1658010004	Nguyễn Thị Kim Anh	9/21/1998	2016DH	8			
5	1658010005	Đinh Thị Vân Anh	7/25/1998	2016DH	8			
6	1658010007	Nguyễn Quang Sơn Bách	12/28/1998	2016DH	10			
7	1658010008	Lường Thanh Bình	10/19/1998	2016DH	8			
8	1658010009	Nguyễn Hữu Bình	12/21/1998	2016DH	9			
9	1658010013	Trần Quốc Đức	6/10/1998	2016DH	8			
10	1658010012	Đoàn Tiến Dũng	8/22/1997	2016DH	8			
11	1658010010	Nguyễn Thị Thùy Dương	11/14/1998	2016DH	9			
12	1658010011	Nguyễn Thùy Dương	6/27/1998	2016DH	8			
13	1551010108	Cắm Thế Duy	7/2/1997	2016K7	0			Không đi học
14	1658010017	Nguyễn Thị Hà	4/15/1997	2016DH	9			
15	1658010016	Trịnh Lê Ngọc Hân	12/12/1998	2016DH	10			
16	1658010018	Nguyễn Thị Minh Hạnh	4/17/1998	2016DH	10			
17	1658010019	Phạm Thị Hồng Hạnh	7/17/1998	2016DH	9			
18	1658010020	Vũ Thị Hạnh	5/23/1997	2016DH	10			
19	1658010014	Triệu Thị Linh Hoa	8/20/1995	2016DH	10			
20	1658010015	Lê Thị Huyền	9/16/1998	2016DH	8			
21	1658010021	Nguyễn Hải Khánh	6/18/1997	2016DH	8			
22	1658010026	Nguyễn Thị Liên	5/9/1997	2016DH	9			
23	1658010022	Bùi Thị Mai Linh	2/12/1997	2016DH	8			
24	1658010023	Trần Chí Linh	8/27/1998	2016DH	10			
25	1658010024	Võ Thị Diệu Linh	7/18/1998	2016DH	9			
26	1658010025	Đỗ Thùy Linh	1/1/1998	2016DH	8			
27	1558010049	Bùi Minh Lượng	7/30/1996	2015DH	7			
28	1658010027	Đặng Khánh Ly	1/6/1997	2016DH	8			
29	1658010028	Vũ Khánh Ngọc	7/14/1998	2016DH	8			
30	1658010029	Lê Thị Phượng	1/18/1998	2016DH	8			
31	1658010030	Đinh Nhật Quân	4/1/1998	2016DH	9			
32	1658010031	Nguyễn Thị Như Quỳnh	11/8/1998	2016DH	9			
33	1658010032	Phan Thị Nguyệt Quỳnh	2/26/1998	2016DH	8			
34	1658010033	Trần Thị Vũ Quỳnh	7/31/1997	2016DH	8			
35	1658010037	Trương Thị Thắm	10/19/1996	2016DH	9			
36	1558020039	Lê Thị Phương Thảo	7/24/1996	2015NT	9			
37	1658010035	Nguyễn Thị Thảo	6/10/1998	2016DH	9			

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Điểm quá trình		Điều kiện dự thi	Ghi chú
					Bằng số	Bằng chữ		
38	1658010036	Trần Vũ Phương Thảo	11/24/1998	2016DH	10			
39	1658010039	Hoàng Thị Tình	8/9/1998	2016DH	9			
40	1658010038	Nguyễn Văn Tuấn	12/26/1998	2016DH	8			
41	1658010040	Hoàng Thái Vượng	8/1/1998	2016DH	8			

Hà Nội,, Ngày 13 tháng 3 năm

CÁN BỘ CHẤM THI 2

CÁN BỘ CHẤM THI 1

Nguyễn Hoàng Yến.